

Số: *34* /BC-UBND

Ninh Thuận, ngày *21* tháng 02 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Quá trình thực hiện và kết quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh năm 2019**

Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) tỉnh Ninh Thuận báo cáo quá trình thực hiện và kết quả công tác PCGD, XMC năm 2019 như sau:

#### **Phần 1: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

##### **I. Tình hình địa lý, kinh tế, xã hội:**

Ninh Thuận có 7 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: 01 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và 6 huyện là: Ninh Sơn, Bác Ái, Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Phước và Thuận Nam với 65 xã, phường, thị trấn, trong đó có 31 xã miền núi, 19 xã đặc biệt khó khăn, 84 thôn đặc biệt khó khăn. Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh. Huyện Bác Ái là huyện nghèo được đầu tư theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ. Toàn tỉnh Ninh Thuận có diện tích tự nhiên là 3.355,34 km<sup>2</sup>, nằm trên giao điểm của 3 trục giao thông chiến lược là đường sắt Bắc Nam, quốc lộ 1 và quốc lộ 27.

- Dân số toàn tỉnh hiện có khoảng 614.000 người, có 35 dân tộc anh em; đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 23,2%, trong đó dân tộc Chăm 11,9%, dân tộc Raglai 10,4%, còn lại là các dân tộc khác.

- Người dân trong tỉnh phần lớn làm nông nghiệp nên đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn do hạn hán, thiên tai, dịch bệnh. Trình độ dân trí các vùng miền không đồng đều, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Trong những năm qua tỉnh Ninh Thuận đã có nhiều giải pháp mang tính đột phá, qua đó đã thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, song hiện nay đời sống nhân dân cũng còn gặp nhiều khó khăn, thiên tai diễn ra nhiều lần trong năm. Tình hình đầu tư kinh phí, trang thiết bị, đội ngũ cho phát triển giáo dục-đào tạo đã được quan tâm, nhưng còn nhiều thiếu thốn.

- Hiện nay, công tác huy động người học trong hệ thống giáo dục chính quy và các cơ sở giáo dục thường xuyên ở một số huyện vùng núi gặp nhiều khó khăn: đội ngũ cán bộ phụ trách công tác PCGD, XMC ở cấp xã không ổn định; người mù chữ độ tuổi từ 36 tuổi trở lên ở các vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ khá cao. Nhiều nơi không vận động được học viên đủ để mở lớp do đặc điểm người dân tộc thiểu số sống không tập trung, thường xuyên đi làm nương rẫy ở xa.

## **II. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện công tác PCGD, XMC:**

### **1. Thuận lợi:**

- Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp đã được kiện toàn và đi vào hoạt động có kế hoạch, triển khai và chỉ đạo thực hiện kế hoạch có hiệu quả để duy trì và nâng chuẩn PCGD, XMC. Thường trực Ban chỉ đạo các cấp (ngành giáo dục) đã tham mưu kịp thời cho cấp ủy và chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC.

- Nhờ công tác tham mưu tích cực của ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), sự chỉ đạo của Đảng, chính quyền các cấp, cùng với các tổ chức Mặt trận, hội, đoàn thể trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố đã chỉ đạo phát triển mạng lưới trường lớp đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu PCGD, XMC.

- Các sở ngành và các tổ chức chính trị đã phối hợp có hiệu quả trong việc vận động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh trong các trường học; quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất và khuyến khích học sinh trong học tập.

- Cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên đảm bảo cho công tác dạy học; Đội ngũ cán bộ quản lý kiêm nhiệm công tác PCGD, XMC ở cấp huyện đã được bố trí đủ về số lượng, đa số nắm vững nghiệp vụ và nhiệt tình công tác. Công tác PCGD, XMC được các huyện, thành phố quan tâm đầu tư nhằm bảo đảm các điều kiện đạt chuẩn phổ cập theo quy định của Bộ GDĐT.

### **2. Khó khăn:**

- Cơ sở vật chất, phòng học chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Số lượng các phòng chức năng, phòng làm việc còn thiếu. Ở cấp học mầm non, nhà vệ sinh ở một số điểm trường chưa đúng quy cách, thiếu nguồn nước sử dụng (đặc biệt là các xã miền núi và ven biển).

- Đối với cấp học mầm non, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên để thực hiện dạy trẻ 2 buổi/ ngày và tổ chức bán trú tại trường còn thiếu.

- Việc điều tra PCGD, XMC còn có khó khăn nhất định, chưa có nhân sự chuyên trách công tác PCGD tại các xã, phường, thị trấn.

- Tại các xã miền núi huyện Bắc Ái, huyện Thuận Bắc, nhiều hộ gia đình có cha mẹ trẻ đi làm ăn xa, nhận thức của một bộ phận người dân về PCGD, XMC còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, điều tra và triển khai PCGD, XMC tại các địa bàn này gặp nhiều khó khăn.

- Nhiều thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn rộng, giao thông không thuận lợi, dân cư phân bố lại không đều (các xã vùng cao, vùng sâu, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng ven biển của các huyện, thành phố) nên gặp nhiều khó khăn trong việc huy động, duy trì và mở lớp phổ cập cho đối tượng học sinh ngoài nhà trường vào học.

- Chất lượng học tập của học sinh ở những vùng khó khăn còn thấp, tỉ lệ bỏ học còn cao, do đó việc nâng cao chất lượng dạy học chưa thật sự đáp ứng theo yêu cầu.

## **Phần 2: QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PCGD, XMC**

### **I. Quá trình triển khai:**

#### **1. Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương:**

Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo PCGD, XMC là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo nền tảng dân trí vững chắc để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện thành công một trong ba khâu đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020; là thước đo trình độ dân trí của địa phương, là điều kiện thúc đẩy chất lượng giáo dục toàn diện, xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, các cấp ủy Đảng, chính quyền tiếp tục quan tâm chỉ đạo sâu sát công tác PCGD, XMC nhằm duy trì và phát triển các chỉ tiêu PCGD, XMC trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp cũng được tổ chức lại, đảm bảo đúng, đủ cơ cấu, số lượng và thành phần; ban hành quy chế hoạt động của ban chỉ đạo, phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã quan tâm, đưa nhiệm vụ phổ cập vào Nghị quyết, chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nhằm huy động các lực lượng và nguồn lực tập trung đầu tư nhằm thực hiện đạt hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của công tác PCGD.

- Sở GD&ĐT (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo) đã chủ động và phối hợp tốt với các ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện tốt các chức trách nhiệm vụ được giao. Tiếp tục đổi mới quản lý giáo dục theo hướng tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm; nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục trong thực hiện nhiệm vụ PCGD, thực hiện phân luồng cho học sinh sau trung học cơ sở theo lộ trình và xoá mù chữ cho người lớn tuổi.

- Các cơ quan quản lý giáo dục các cấp đã phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo của cơ quan tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền chỉ đạo công tác PCGD, XMC; tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cụ thể hoá thành các nghị quyết, kế hoạch, chương trình công tác, đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ cho công tác PCGD, XMC nói riêng và các hoạt động giáo dục nói chung.

## **2. Công tác chỉ đạo, điều hành:**

- Ban Chỉ đạo PCGD, XMC tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3770/KH-BCĐ PCGD, XMC ngày 19/11/2019 về Kế hoạch kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC năm 2019.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 về việc thành lập Đoàn kiểm tra, công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC tại các huyện, thành phố năm 2019.

- 7/7 huyện, thành phố đều đã xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị định 20 và Thông tư 07.

- 7/7 huyện, thành phố thực hiện kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD, XMC các cấp, phân công cán bộ theo dõi về công tác PCGD, XMC; tổ chức rà soát, đánh giá các điều kiện thực hiện phổ cập để xây dựng chỉ tiêu thực hiện sát với tình hình thực tế của địa phương.

Đoàn Kiểm tra tiến hành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế từ ngày 09/12/2019 đến ngày 31/12/2019 tại 7/7 huyện, thành phố về kết quả thực hiện công tác PCGD, XMC. Tại mỗi đơn vị, Đoàn Kiểm tra đã tiến hành kiểm tra hồ sơ của ít nhất 80% số đơn vị cấp xã và kiểm tra đối chiếu phiếu điều tra hộ gia đình của 04 hộ/ 02 xã.

## **3. Xây dựng mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất:**

### **a) Cấp học mầm non:**

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 87 trường mầm non, trong đó: Trường công lập có 64 trường đạt tỷ lệ 73,56%; trường ngoài công lập có 23 trường chiếm tỷ lệ 26,43%. Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia có 18 trường, đạt tỷ lệ 20,69% (tất cả đều là trường công lập), trong đó, có 16 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và 02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Có 1.017 phòng/982 nhóm, lớp, đạt tỷ lệ 1,03 phòng/lớp. Trong đó có 395 phòng kiên cố (*chiếm tỷ lệ 38,8%*); 589 phòng bán kiên cố (*chiếm tỷ lệ 57,9%*); 14 phòng học tạm (*chiếm tỷ lệ 1,4%*) và 19 phòng học nhờ (*chiếm tỷ lệ 1,9%*).

- Số lượng các trường mầm non trên địa bàn 07 huyện, thành phố tương đối phù hợp với đặc điểm điều kiện dân sinh và quy hoạch đô thị đã góp phần

tăng tỷ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp ở các độ tuổi nói chung và trẻ mẫu giáo 5 tuổi ở các loại hình nói riêng. Trong năm học 2019 – 2020, cấp học mầm non đã huy động được 18,2% trẻ độ tuổi nhà trẻ và 71,3% trẻ mẫu giáo ra lớp; có 87,96% trẻ mầm non được học 2 buổi/ngày theo chương trình giáo dục mầm non.

- Toàn tỉnh có 807/982 nhóm lớp có thiết bị, đồ dùng đồ chơi, chiếm tỷ lệ 82,2%. Riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi, có 407/407 lớp có thiết bị, đồ dùng đồ chơi đạt tỷ lệ 100%. Tuy nhiên, danh mục mà các trường được cấp tỉnh đầu tư chỉ có 32/124 danh mục tối thiểu theo quy định, số còn lại do cấp huyện, thành phố trang bị hoặc do các trường tự trang bị từ nguồn kinh phí tiết kiệm và huy động xã hội hóa tại địa phương; cũng như các trang thiết bị đồ dùng dạy học, đồ chơi do đội ngũ CBQL và giáo viên tự làm.

#### ***b) Cấp học tiểu học:***

- Cơ sở vật chất đã được quan tâm đầu tư xây mới và nâng cấp sửa chữa. Toàn tỉnh có 149 trường tiểu học (trong đó có 147 trường công lập và 02 trường ngoài công lập); 2.170 lớp (trong đó có 09 lớp ghép)/1.985 phòng; Tỷ lệ phòng học trên lớp đạt 0,9, vẫn duy trì như cũ so với năm học trước). Số phòng kiên cố 1.644, tăng 64 phòng so với năm học trước;

- Các công trình vệ sinh, nước sạch, sân chơi, tường rào của nhiều trường học đã được xây dựng mới và cải tạo nâng cấp, tạo môi trường ngày càng thuận lợi cho công tác giáo dục của nhà trường.

#### ***c) Cấp học THCS:***

- Trên địa bàn toàn tỉnh có 67 trường có cấp THCS (trong đó có 55 trường THCS; 03 trường PT DTNT THCS; 04 trường THCS, TH; 04 trường THCS, THPT và 01 trường PT DTNT THCS, THPT) với tổng số phòng học là 809 phòng, trong đó có 772 phòng học kiên cố, 34 phòng học bán kiên cố, 03 phòng học tạm. Tỷ lệ phòng học/lớp đạt 0,8.

- 100% trường THCS đảm bảo có các phòng làm việc, phòng học bộ môn, phòng thư viện, thiết bị, phòng y tế và các công trình vệ sinh, sân chơi đạt yêu cầu.

### **4. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên:**

#### ***a) Cấp học mầm non:***

- Năm học 2019-2020, toàn tỉnh có 1.674 giáo viên mầm non (tăng 18 giáo viên so với năm học 2018-2019). Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,7 giáo viên/lớp.

- 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, trong đó trên chuẩn đạt tỷ lệ 90,85%.

- 100% giáo viên công lập đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, trong đó trên chuẩn đạt tỷ lệ 88,7%. Riêng giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi có trình độ đào tạo trên chuẩn là 83,7%.

- 100% giáo viên công lập đều được đảm bảo các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đã góp phần nâng cao đời sống, vật chất và tinh thần, giúp giáo viên yên tâm gắn bó với nghề.

#### ***b) Cấp học tiểu học:***

- Tổng số cán bộ quản lý và giáo viên là 3.216 (trong đó có 289 cán bộ quản lý); Tỷ lệ giáo viên trên lớp đạt 1,5% (tăng 0,1% so với năm học trước, tỷ lệ này tính luôn cả CBQL). Trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp đạt chuẩn 100%.

- Trong năm 2019, ngành Giáo dục đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và hội thảo giới thiệu SGK lớp 1 cho 1.926 cán bộ quản lý và giáo viên cấp tiểu học gồm các lớp: Chương trình tổng thể, An Toàn Giao thông cho nụ cười trẻ thơ, Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, Chương trình tiếng Anh cho học sinh lớp 1-2, Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, Sách giáo khoa mới một số môn học của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

#### ***c) Cấp học THCS:***

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn tỉnh là có 2.121 người. Trong đó, số giáo viên là 2.005 người. 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp. Có 1.596 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, chiếm tỷ lệ 79,6%.

- Trong năm học 2019, đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học và đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn cho cán bộ quản lý Phòng GDĐT, trường THCS, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các trường THCS, gồm các nội dung: Tập huấn chương trình giáo dục kỹ năng sống; Đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Tập huấn kiểm tra đánh giá học sinh khuyết tật hòa nhập cấp trung học, Tập huấn đổi mới xây dựng và đánh giá bài học theo định hướng phát triển năng lực học sinh cấp THCS, Tập huấn bồi dưỡng giáo viên tham gia dạy bồi dưỡng học sinh giỏi môn Lịch sử cấp THCS, Tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên cấp THCS về phương pháp lồng ghép giáo dục Quốc phòng và An ninh trong trường THCS, Tập huấn giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh, Tập huấn dạy học theo định hướng giáo dục STEM,...

### **5. Các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục:**

#### ***a) Cấp học mầm non:***

- Sở GDĐT tập trung chỉ đạo, tổ chức tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, quan tâm đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số, mở các lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho giáo viên dạy trẻ dân tộc thiểu số, cử tuyển giáo viên cho các vùng khó khăn; ưu tiên hình thức đào tạo theo địa chỉ đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- Ban hành kế hoạch và các văn bản quy định về bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non; tổ chức tập huấn cốt cán về chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng thường xuyên thông qua các hình thức trực tiếp, trực tuyến; bồi dưỡng phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục; phương pháp dạy lớp ghép; thực hiện chương trình giáo dục mầm non tại vùng khó khăn; kiến thức phòng chống bệnh tật và vệ sinh an toàn thực phẩm; phương pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ, để chuẩn bị tốt tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp 1; nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cho đội ngũ chăm sóc giáo dục trẻ tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục...

- Các huyện/thành phố đã đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng giáo viên như: Bồi dưỡng hè, bồi dưỡng chuyên đề, tập huấn. Nội dung bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục địa phương theo năm học và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của giáo viên, chú trọng rèn luyện kỹ năng tay nghề, làm đồ dùng, đồ chơi sáng tạo, cập nhật kiến thức và kỹ năng cho giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục mầm non.

#### ***b) Cấp học tiểu học:***

- Đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ở cấp tiểu học; Thực hiện nghiêm túc chủ trương bàn giao và cam kết thực hiện chất lượng giáo dục ở cấp tiểu học;

- Thực hiện có hiệu quả việc dạy chuẩn bị tiếng Việt cho học sinh trước khi vào lớp 1 cùng với việc thực hiện Chương trình Công nghệ tiếng Việt 1 đối những vùng học sinh dân tộc thiểu số;

- Đổi mới phương pháp dạy học, tạo môi trường học tập thân thiện, tăng cường thay đổi hình thức tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tổ chức phụ đạo cho những em chưa đạt yêu cầu kiến thức tối thiểu nhằm hạn chế học sinh lưu ban và bỏ học;

- Triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (đối với những địa phương đảm bảo về cơ sở vật chất) có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; Thực hiện nghiêm túc việc ra đề kiểm tra định kỳ và đánh giá học sinh theo Thông tư 30/2014 và Thông tư 22/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Hàng năm tổ chức các hội thảo trao đổi kinh nghiệm, sáng kiến về các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng học sinh nghỉ học cách nhật và học sinh bỏ học giữa chừng.

### **c) Cấp học THCS:**

- Tiếp tục chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên chủ động rà soát, tinh giản nội dung dạy học phù hợp với chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình môn học; thiết kế lại các mục trong sách giáo khoa thành các bài học theo chủ đề (trong từng môn học hoặc liên môn) để tổ chức cho học sinh hoạt động học tích cực, tự lực chiếm lĩnh kiến thức và vận dụng vào thực tiễn; phát huy các chủ đề dạy học có hiệu quả của các năm học trước; chú trọng lồng ghép giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội và chấp hành pháp luật trong dạy học.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động giáo dục trong các nhà trường.

- Tận dụng cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nhằm tăng cường các hoạt động phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi, hoạt động giáo dục trải nghiệm, nghiên cứu khoa học phù hợp với đối tượng học sinh.

- Các trường THCS tiếp tục thực hiện Thông báo kết luận của Sở GDĐT về “Hội nghị sơ kết 1 năm thực hiện nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn và môn Toán trong trường THCS theo định hướng phát triển năng lực học sinh” để nâng cao chất lượng dạy học trong trường THCS.

## **II. Kết quả thực hiện các mục tiêu PCGD, XMC:**

### **1. Tiêu chí:**

#### **a) Đối với PCGD mầm non:**

- Có 100% trẻ em lớp mẫu giáo 5 tuổi được hưởng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành; có 11.093 trẻ em 5 tuổi được chăm sóc giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%; có 3.347 trẻ em 5 tuổi là người dân tộc thiểu số được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%; trẻ em dưới 5 tuổi đi học tăng so với năm học trước.

- Tổng số trẻ em 5 tuổi được huy động ra lớp: Đầu năm học 2019-2020 có 11.093/11.203 trẻ đạt tỷ lệ 99,02% (năm học 2018-2019 có 11.416/11.550 trẻ, đạt tỷ lệ 98,84%).

- Tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi năm học 2018-2019 hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non, đạt tỷ lệ 98,6%.

- 7/7 huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt tỷ lệ 100%.

- Toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi.



***b) Đối với PCGD tiểu học:***

- Số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 là 11740/11754 đạt tỷ lệ 99,88%, tăng 0,01% so với năm học trước.

- Số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học là 9.501/10.251 đạt tỷ lệ 92,68% ; so với năm trước tăng 0,91%;

- 65/65 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD tiểu học từ mức 1 đến mức 3 (trong đó có 06 xã mức 1, 06 xã mức 2 và 53 xã mức 3);

- 2/7 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGD TH mức 1 (Bác Ái, Thuận Bắc);

- 2/7 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGD TH mức độ 2 (Ninh Phước, Thuận Nam).

- 3/7 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3 (Ninh Hải, Ninh Sơn và Tp Phan Rang-Tháp Chàm); tăng 1 huyện so với năm học trước.

**- Toàn tỉnh đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1.**

***c) Đối với PCGD trung học cơ sở:***

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở: 27.785/ 31.809, đạt tỷ lệ 87,3%.

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: 25.295/ 31.809, đạt tỷ lệ 79,5%.

- 65/65 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGD THCS từ mức 1 đến mức 3 (trong đó có 32 xã, phường, thị trấn đạt mức 1; 23 xã, phường, thị trấn đạt mức 2 và 10 xã, phường, thị trấn đạt mức 3.

- Số đơn vị cấp huyện, thành phố đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1: 6/7, đạt tỷ lệ 85,3%; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2: 1/7, đạt tỷ lệ 14,3%.

**- Toàn tỉnh đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1.**

***d) Đối với Xóa mù chữ:***

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận biết chữ mức độ 1 là 99.828/101.754 đạt 98,11%; được công nhận biết chữ mức độ 2 là 97.928/101.754 đạt 96,24%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận biết chữ mức độ 1 là 228.588/236.965 đạt 96,46%; được công nhận biết chữ mức độ 2 là 218.121/236.965 đạt 92,05%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận biết chữ mức độ 1 là 405.601/434.390 đạt 93,37%; được công nhận biết chữ mức độ 2 là 375.453/434.390 đạt 86,43%.

- Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn XMC là 65/65, đạt tỷ lệ 100%. Có 5/7 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn XMC mức độ 1, 2/7 huyện đạt chuẩn XMC mức độ 2.

**- Toàn tỉnh đạt chuẩn XMC mức độ 1.**

## **2. Điều kiện bảo đảm:**

### **a) Về đội ngũ:**

- Cấp học mầm non: Có 749/749 giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn về trình độ đào tạo, đạt tỷ lệ 100%, trong đó trên chuẩn đạt 83,7% (627/749 giáo viên); 100% giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi được hưởng thu nhập và các chế độ khác theo thang bảng lương giáo viên mầm non.

- Cấp học tiểu học: Tổng số CBQL, GV có 3.216 người, tỷ lệ đạt chuẩn trình độ đào tạo 100%, trong đó số CBQL, GV đạt trình độ đào tạo trên chuẩn là 3083 người, tỷ lệ 95,9%, tăng 0,1%. Số GV đạt chuẩn nghề nghiệp đạt tỷ lệ 100%.

- Cấp học THCS: Tổng số CBQL, GV, NV: 2.400 người (Trong đó; CBQL: 116, giáo viên: 2005 người và nhân viên: 279 người); 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp. 80,0% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo.

- Trong năm học 2019, đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học và đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn cho cán bộ quản lý Phòng GDĐT, trường THCS, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các trường THCS.

- 7/7 đơn vị cấp huyện có người theo dõi công tác PCGD, XMC.

### **b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:**

- Toàn tỉnh có 7/7 huyện, thành phố có mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở theo quy hoạch, đảm bảo đủ điều kiện thực hiện giáo dục cho các cấp học, đảm bảo điều kiện giao thông cho học sinh đi học an toàn.

- 100% cơ sở giáo dục các cấp có đủ thiết bị tối thiểu theo quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT đối với giáo dục mầm non và Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT đối với giáo dục phổ thông.

- 100% cơ sở giáo dục các cấp có sân chơi, bãi tập an toàn, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước và đủ công trình vệ sinh sử dụng thuận

tiện, đảm bảo vệ sinh.

- Cấp học mầm non: Có tổng số 407 phòng học/407 lớp học dành cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi, tỷ lệ 1,0 phòng học/lớp; 100% phòng học kiên cố và bán kiên cố. Có 407/407 lớp mẫu giáo 5 tuổi có đầy đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu, đạt tỷ lệ 100%.

- Cấp học tiểu học: Tổng số phòng học trên lớp 1985/2170, đạt tỷ lệ 0,9. Trong đó, phòng kiên cố có 1644 phòng, bán kiên cố có 319 phòng. Số phòng học tạm, nhờ là 22 phòng. Các phòng chức năng cơ bản đủ hoạt động. 100% cơ sở giáo dục có sân chơi bãi tập đảm bảo các hoạt động ngoài trời cho học sinh, công trình vệ sinh tương đối đáp ứng nhu cầu cho CB-GV-CNV và học sinh. 100% trường học có thiết bị dạy học theo quy định của Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT.

- Cấp học THCS: Toàn tỉnh có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông với 67 trường có cấp THCS ở vị trí trung tâm dân cư, có điều kiện giao thông đảm bảo cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn; có tổng số phòng học là 772 phòng kiên cố, 34 phòng học bán kiên cố và 03 phòng học tạm, tỷ lệ phòng học/ lớp đạt 0,8. 100% phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế, ánh sáng; Tất cả các trường học đều có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo điều kiện phổ cập THCS.

### **III. Đánh giá chung:**

#### **1. Ưu điểm:**

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm chỉ đạo, đưa nhiệm vụ PCGD, XMC vào Nghị quyết, chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, ngành GD&ĐT cũng đã tích cực tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC, tạo được những chuyển biến tích cực trong công tác này.

- Hệ thống, quy mô mạng lưới trường, lớp được điều chỉnh, từng bước củng cố và phát triển theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, chú trọng chất lượng và đảm bảo hơn điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện.

- Chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng giáo dục mũi nhọn được củng cố, duy trì và nâng lên; giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi tiếp tục có sự chuyển biến theo hướng thực chất và vững chắc; các xã khó khăn nhất đã có những chuyển biến tích cực được ghi nhận. Phổ cập giáo dục các cấp học được duy trì, tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng; tỷ lệ huy động trẻ ra lớp được nâng lên; chất lượng giáo dục phổ cập được kiểm soát; đánh giá chất lượng thực chất hơn.

## **2- Hạn chế:**

### **a) Cấp học mầm non:**

- Tỷ lệ giáo viên dạy mẫu giáo 5 tuổi chưa đảm bảo theo quy định Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Hiện nay, tỷ lệ giáo viên/lớp đối với lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt 1,84 giáo viên/lớp. Theo quy định tại Thông tư nêu trên, hiện còn thiếu 61 CBQL và 147 giáo viên mầm non công lập.

- Cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu, như: Thiếu phòng làm việc, các phòng chức năng, nhà bếp, nhà vệ sinh và các trang thiết bị đồ dùng dạy học, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời ở các trường công lập; đặc biệt là thiếu phòng học, hiện vẫn còn 14 phòng học tạm và 19 phòng học nhờ.

### **b) Cấp tiểu học:**

- Một số địa phương tuy đạt chuẩn về PCGD tiểu học nhưng chưa bền vững; trong đó vẫn còn 06 xã đạt ở mức độ 1, tỉ lệ: 9,20% (gồm các xã : Phước Thắng (huyện Bác Ái); Lợi Hải, Công Hải, Bắc Sơn, Phước Kháng, Phước Chiến (huyện Thuận Bắc)).

- Ở những vùng có điều kiện phát triển kinh tế-xã hội khó khăn, tỷ lệ vận động học sinh bỏ học cách nhật ra lớp còn hạn chế; chất lượng giáo dục chưa cao so với mặt bằng chung của tỉnh.

- Số lượng phòng học chưa đáp ứng được việc học hai buổi/ngày (thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, huyện Thuận Nam). Một số trường học đã xuống cấp chưa được xây mới, vẫn còn tình trạng phòng học tạm, học nhờ (7 phòng học tạm, 15 phòng học nhờ).

### **c) Cấp THCS:**

- Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi học các lớp phổ cập còn thấp; còn nhiều đối tượng trong độ tuổi PCGD THCS đang học tiểu học hoặc chưa tốt nghiệp THCS nên tỷ lệ đạt chuẩn chưa cao, một số xã thuộc vùng khó khăn kết quả đạt chuẩn chưa thực sự bền vững.

- Một số giáo viên được phân công phụ trách công tác phổ cập chưa năng động, sáng tạo; một số cán bộ quản lý chưa tham mưu tốt cho cấp uỷ, chính quyền địa phương trong công tác PCGD THCS; sự phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương chưa chặt chẽ, đồng bộ trong thực hiện nhiệm vụ PCGD THCS, nhất là khâu tuyên truyền, vận động, huy động và duy trì sĩ số học sinh chưa hiệu quả.

- Những nơi có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn việc huy động học sinh ra học lớp phổ cập rất khó khăn vì học sinh thiếu động cơ học tập, chỉ muốn đi làm để kiếm tiền phụ giúp gia đình và cho bản thân. Bên cạnh đó, ở một số gia đình, phụ huynh học sinh chưa quan tâm nhiều đến việc học của con em mình.

#### **IV. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:**

##### **1. Nguyên nhân khách quan:**

- Đời sống kinh tế dân cư các xã miền núi còn nhiều khó khăn, phụ huynh học sinh chưa quan tâm, phó mặc chuyện học cho nhà trường, coi việc học của con em mình là trách nhiệm của các thầy cô giáo và nhà trường. Phần lớn trẻ em các xã miền núi khi vào lớp 1 không biết tiếng phổ thông nên số lưu ban khá lớn dẫn đến tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học chưa cao.

- Đội ngũ giáo viên làm công tác PCGD, XMC không có trong định biên, vì vậy các địa phương phải sử dụng giáo viên hợp đồng hoặc giáo viên kiêm nhiệm nên đội ngũ không được ổn định.

- Người mù chữ đa phần là người lớn tuổi, là lao động chính trong gia đình, kinh tế gặp nhiều khó khăn. Trong khi nhận thức về lợi ích của việc học tập còn hạn chế nên việc huy động các đối tượng này đi học gặp nhiều khó khăn, nhất là những vùng sâu, vùng xa.

- Ban Chỉ đạo PCGD, XMC của một số địa phương thường có sự thay đổi về nhân sự nên việc triển khai thực hiện chỉ tiêu giao và vận động học viên ra lớp XMC chưa thường xuyên, liên tục.

##### **2. Nguyên nhân chủ quan:**

- Một số địa phương chưa có quyết tâm cao, chưa quyết liệt trong chỉ đạo khắc phục những yếu kém; hiệu lực chỉ đạo của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC ở một số đơn vị cấp xã còn hạn chế nên chưa huy động được sự vào cuộc thực sự của cộng đồng để giải quyết những khó khăn, vướng mắc; một số nơi cán bộ chủ chốt chưa trực tiếp phụ trách những địa bàn khó khăn, yếu kém.

- Công tác điều tra thống kê, lập kế hoạch vận động của một số đơn vị đôi lúc còn lơ là, buông lỏng. Công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể ở cơ sở để giải quyết một số vấn đề khó khăn chưa chặt chẽ, chưa hiệu quả, thiếu sự đồng bộ.

- Một số cán bộ phụ trách công tác PCGD, XMC thiếu năng động, sáng tạo; chưa tham mưu tốt cho cấp uỷ, chính quyền; chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể trong xã, nhất là khâu huy động và duy trì sĩ số học sinh.

## **V. Bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị:**

### **1. Bài học kinh nghiệm:**

- Mục tiêu Chỉ thị 10 CT-/TW đã được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương bằng các chương trình hành động, nghị quyết của tỉnh, huyện để tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt và quyết tâm của cả hệ thống chính trị là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để cả hệ thống chính trị, người dân hiểu rõ vai trò, trách nhiệm và cùng tham gia thực hiện các nhiệm vụ PCGD, XMC; cấp ủy, chính quyền các cấp nhận thức sâu sắc được nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCGD, XMC; từ đó tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả. Đồng thời chú trọng, ưu tiên các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất trường học.

- Ngành giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong tham mưu, chủ động phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội để tổ chức thực hiện nhiệm vụ PCGD, XMC; cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên phải nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình trong việc tham mưu, phối hợp và tổ chức thực hiện.

- Lãnh đạo, chỉ đạo mục tiêu PCGD, XMC phải quyết tâm cao, kiên trì, thường xuyên, sâu sát từ tỉnh đến cơ sở.

- Gắn PCGD, XMC với Phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, “Xây dựng trường chuẩn quốc gia”, “Trường giúp trường, phòng giúp phòng”, xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế để nâng cao chất lượng PCGD, XMC.

- Đồng thời với nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng đa dạng hóa nội dung, chương trình, hình thức học tập, tạo cơ hội học tập cho mọi người để huy động người mù chữ, học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục đi học nhằm nâng cao dân trí, phân luồng học sinh, đào tạo nghề, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

### **2. Đề xuất, kiến nghị:**

- Chính sửa Phần mềm thống kê số liệu PCGD, XMC khắc phục các lỗi sau:

+ Phần điều kiện cơ sở vật chất và giáo viên chưa hiển thị trên phần mềm;

+ Xã có học sinh 11 tuổi bỏ học nhưng vẫn hiển thị đạt mức độ 2-3 ở biểu kết quả là chưa đúng với quy định với Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ;

+ Tỷ lệ giáo viên trên lớp chưa đề cập đến số lớp ghép nên tỉ lệ cao hơn thực tế đối với những huyện còn thực hiện lớp ghép;

+ Thời gian mở hệ thống phần mềm dữ liệu theo từng đợt nên khu vực miền Trung trở vào không đảm bảo đúng thời gian như Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Tiếp tục bổ sung biên chế cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và nhân viên theo đúng vị trí việc làm cho cấp học mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BNV-BGDĐT ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; ưu tiên các nguồn kinh phí hợp pháp cho cấp học mầm non của Ninh Thuận để tiếp tục thực hiện kiên cố hóa trường học và trang bị thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các trường mầm non, mẫu giáo toàn tỉnh (*đặc biệt là các nhóm, lớp dưới 5 tuổi*).

- Triển khai tập huấn cho cán bộ, chuyên viên cấp Sở GDĐT và phòng GDĐT và giáo viên phụ trách công tác PCGD THCS;

- Điều chỉnh thời gian nộp báo cáo: hàng năm các tỉnh phải báo cáo về Bộ GDĐT trước 31 tháng 12 nhưng thời gian cho phép các địa phương nhập dữ liệu chỉ trong tháng 11 nên không đảm bảo tiến độ kiểm tra, công nhận và báo cáo.

### **Phần 3: PHƯƠNG HƯỚNG CHỈ ĐẠO PCGD, XMC TRONG NĂM TỚI**

#### **I. Các nhiệm vụ trọng tâm:**

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của các cấp chính quyền trong công tác PCGD nhằm phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành đoàn thể với ngành Giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ theo nội dung Chỉ thị số 14/CT-UB ngày 28/3/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về *“Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong năm 2003 và những năm tiếp theo”*.

2. Cùng cố kết quả PCGD, XMC, PCGD THCS của các xã, phường, thị trấn đã đạt chuẩn. Kiện toàn và phát huy hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn nhằm duy trì và nâng tỉ lệ chuẩn PCGD THCS của đơn vị.

3. Tiếp tục duy trì các lớp phổ cập, huy động và mở mới các lớp phổ cập; Đảm bảo dạy học có chất lượng các lớp phổ cập.

4. Thực hiện tốt việc điều tra bổ sung để cập nhật chính xác số liệu PCGD để làm cơ sở xây dựng kế hoạch; thực hiện đầy đủ, đúng quy định về hồ sơ PCGD trong năm 2020.

5. Thực hiện việc cập nhật dữ liệu, duy trì hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD, XMC theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tổ chức quán triệt và thực hiện đúng quy định về công tác PCGD THCS theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về PCGD, XMC và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 Quy định về

điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD, XMC của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn, quy định về PCGD, XMC của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **II. Các giải pháp tập trung triển khai:**

1. Ủy ban nhân dân và Ban chỉ đạo các huyện, thành phố tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, ban ngành phối hợp chặt chẽ với ngành Giáo dục để thực hiện công tác PCGD có hiệu quả theo nội dung Chỉ thị 14/CT-UB ngày 28/3/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kiện toàn Ban Chỉ đạo PCGD, XMC các cấp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và nâng cao trách nhiệm của từng thành viên Ban Chỉ đạo trong chỉ đạo công tác PCGD, XMC. Cần xác định rõ việc vận động và duy trì tỷ lệ đi học chuyên cần hằng ngày là trách nhiệm của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC cấp xã, đặc biệt là các trường thôn, khu phố.

3. Tiếp tục rà soát, sắp xếp bảo đảm các điều kiện cần thiết về quy hoạch mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

4. Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu phổ cập và đổi mới giáo dục. Đảm bảo đủ giáo viên theo định mức quy định..

5. Chủ động, tích cực tìm biện pháp vận động người mù chữ ra lớp, tổ chức các lớp XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho đồng bào các vùng dân tộc, vùng núi, vùng sâu (đặc biệt ở các địa phương có tỷ lệ người mù chữ còn cao nhưng vừa qua không mở được lớp). Phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu của Kế hoạch XMC giai đoạn 2012 – 2020.

6. Rà soát, cập nhật số liệu trên phần mềm quản lý phổ cập chống mù chữ đảm bảo chính xác và đúng thực tế.

7. Ngành Giáo dục tăng cường chỉ đạo công tác dạy học, giáo dục học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tổ chức dạy học có hiệu quả, tăng cường phụ đạo học sinh học yếu kém, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học trong các nhà trường. Thực hiện tốt việc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp tiểu học, trung học cơ sở và làm tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo) phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tham mưu cấp đủ kinh phí cho công tác PCGD, XMC; hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy định về công tác tài chính; đồng thời chỉ đạo công tác điều tra, cập nhật số liệu, in ấn và thiết lập các loại hồ sơ, biểu mẫu theo đúng quy định. Lập Kế hoạch kiểm tra công nhận kết



quả PCGD, XMC của các huyện, thành phố năm 2020 theo quy định.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện công tác PCGD và xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Sở, Ban, ngành hội đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng GDĐT các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.



**Lê Văn Bình**

## Mục lục

Phần 1: Đặc điểm tình hình.....	1
I- Tình hình địa lý, kinh tế, xã hội .....	1
II- Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện công tác PCGD, XMC .....	2
1- Thuận lợi.....	2
2- Khó khăn.....	2
Phần 2: Quá trình thực hiện các mục tiêu PCGD, XMC .....	3
I- Quá trình triển khai .....	3
1- Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.....	3
2- Công tác chỉ đạo, điều hành: .....	4
3- Xây dựng mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất.....	4
4- Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên .....	5
5- Các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục .....	6
II- Kết quả thực hiện các mục tiêu PCGD, XMC.....	8
1- Tiêu chí: Theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP .....	8
2- Điều kiện bảo đảm:.....	10
III- Đánh giá chung.....	11
1- Ưu điểm .....	11
2- Hạn chế.....	12
IV. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.....	12
1. Nguyên nhân khách quan.....	13
2. Nguyên nhân chủ quan.....	13
V- Bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị .....	14
1- Bài học kinh nghiệm:.....	14
2- Đề xuất, kiến nghị:.....	14
Phần 3: Phương hướng chỉ đạo PCGD, XMC trong năm tới .....	14
I. Các nhiệm vụ trọng tâm: .....	15
II. Các giải pháp tập trung triển khai: .....	16
Mục lục .....	18